

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HC-PT

Ngày: 11-7-2018

V/v khiếu kiện quyết định hành  
chính trong lĩnh vực quản lý an  
 ninh trật tự, an toàn xã hội

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Ngọc Minh.

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Hà.

Bà Lê Thị Thái Lan.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Việt Triều – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Phú Yên:** Bà Đào Thị Thu Tuyết - Kiểm  
sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên  
xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 04/2018/TLPT-HC  
ngày 05 tháng 3 năm 2018 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản  
lý an ninh trật tự, an toàn xã hội”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HCST ngày 26 tháng 01 năm  
2018 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2018/QĐPT-HC ngày  
18 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

*Người khởi kiện:* Ông Trương Văn T – sinh năm 1965.

Trú tại: Khu phố X, phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

*Người bị kiện:*

1/ Trưởng Công an phường N, thành phố T – Ông Trương Văn L.

Có văn bản ủy quyền số 07/GUQ-CAP ngày 10/5/2018 cho ông Trần Đức D –  
Phó trưởng Công an phường N. Ông Trần Đức D có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/ Trưởng Công an thành phố T, tỉnh Phú Yên – Ông Nguyễn Văn D. Có đơn  
xin xét xử vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Công an phường N, thành phố T. Ông Trần Đức D đại diện theo văn bản ủy  
quyền số 07/GUQ-CAP ngày 10/5/2018. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/ Công an thành phố T, tỉnh Phú Yên. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người kháng cáo:* Ông Trương Văn T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Người khởi kiện trình bày:* Ngày 09/12/2016 vợ chồng ông đến Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa để giải quyết vụ án yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm với ông Huỳnh Thế Th, trong khi chờ Thẩm phán thụ lý vụ án dính chính nội dung sai sót trong thông báo hòa giải thì tại sảnh của Tòa án (phía bên ngoài phòng văn thư) ông Th dùng điện thoại di động để quay phim vợ chồng ông T. Ông T thấy vậy bảo ông Th chấm dứt hành vi quay phim nhưng ông Th không nghe nên ông dùng tay đánh rớt điện thoại mà ông Th dùng để quay phim xuống đùi của ông Th, khi đó ông Th dùng cùi chỏ đánh vào vùng thái dương của ông T nên ông la lên thì được mọi người can ngăn. Sau đó, Công an phường N đến giải quyết và đã tiến hành xử phạt hành chính ông về hành vi gây rối trật tự công cộng số tiền 200.000đ theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 038352/QĐ-XPHC ngày 20/12/2016. Ông không đồng ý nên khiếu nại đến Công an phường N, ngày 17/01/2016 Trưởng Công an phường N ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 (Quyết định số 07/QĐ-CAP) giữ nguyên quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Ông T tiếp tục khiếu nại đến Công an thành phố T, ngày 24/3/2017 Trưởng Công an thành phố T ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 (Quyết định số 171/QĐ-CATP) giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 của Trưởng Công an phường N.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa hủy: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 038352/QĐ-XPHC ngày 20/12/2016 của Trưởng Công an phường N, quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 số 07/QĐ-CAP ngày 17/01/2016 Trưởng Công an phường N, quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 171/QĐ-CATP ngày 24/3/2017 Trưởng Công an thành phố T. Ngoài ra, ông T còn yêu cầu Công an phường N và Công an thành phố T liên đới bồi thường chi phí đi lại của vợ chồng ông trong thời gian bỏ công việc đi khiếu kiện 04 ngày công lao động, mỗi ngày 386.000đ là 1.544.000đ.

*Người bị kiện Trưởng Công an phường N đồng thời đại diện cho Công an phường N trình bày:*

Vụ việc gây mất trật tự tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T giữa Ông Trương Văn T và ông Huỳnh Thế Th vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 09/12/2016 đã gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Tòa án, Công an phường N đã tiến hành làm việc, lấy lời khai của các cá nhân có liên quan, người làm chứng. Ngày 16/12/2016 Công an phường N lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông T, tuy nhiên ông T không chịu ký biên bản, không thừa nhận hành vi vi phạm pháp luật của mình, Công an phường N không tổng đạt được biên bản vi phạm hành chính cho ông T vì ông T không chịu ký biên bản, Công an phường N đã tiến hành mời hai người làm chứng đã chứng kiến hành vi vi phạm của ông T cùng ký biên bản đúng quy định pháp luật, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông T.

Nay Trưởng Công an phường N giữ nguyên quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 đối với ông Trương Văn T, không

đồng ý với yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông T vì không đúng pháp luật.

*Người bị kiện Trưởng Công an thành phố T đồng thời đại diện cho Công an thành phố T trình bày:*

Không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện, giữ nguyên Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 038352/QĐ-XPHC ngày 20/12/2016 của Trưởng Công an phường N, quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 số 07/QĐ-CAP ngày 17/01/2016 Trưởng Công an phường N, quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 171/QĐ-CATP ngày 24/3/2017 Trưởng Công an thành phố T. Đề nghị Tòa bác yêu cầu liên đới bồi thường thiệt hại vì không đúng quy định pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HCST ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 và khoản 1, khoản 6, khoản 7 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Trương Văn T về việc yêu cầu hủy: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 038352/QĐ-XPHC ngày 20/12/2016 của Trưởng Công an phường N, quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 số 07/QĐ-CAP ngày 17/01/2016 Trưởng Công an phường N, quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 171/QĐ-CATP ngày 24/3/2017 Trưởng Công an thành phố T. Bác yêu cầu bồi thường thiệt hại chi phí đi lại của ông T trong thời gian khiếu kiện.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 01/02/2018 Ông Trương Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa hủy: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 038352/QĐ-XPHC ngày 20/12/2016 của Trưởng Công an phường N, quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 số 07/QĐ-CAP ngày 17/01/2016 Trưởng Công an phường N, quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 171/QĐ-CATP ngày 24/3/2017 Trưởng Công an thành phố T. Ngoài ra, ông T còn yêu cầu Công an phường N và Công an thành phố T liên đới bồi thường chi phí đi lại của vợ chồng ông trong thời gian bỏ công việc đi khiếu kiện 04 ngày công lao động, mỗi ngày 386.000đ là 1.544.000đ.

*Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:*

Người khởi kiện Ông Trương Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, lời trình bày có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của người khởi kiện không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các đương sự và Kiểm sát viên.

[1] Đơn kháng cáo của Ông Trương Văn T trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để giải quyết phúc thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thời hiệu khởi kiện, đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 038352/QĐ-XPHC ngày 20/12/2016 của Trưởng Công an phường N, quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 số 07/QĐ-CAP ngày 17/01/2016 Trưởng Công an phường N, quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 171/QĐ-CATP ngày 24/3/2017 Trưởng Công an thành phố T là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý an ninh trật tự, an toàn xã hội. Không đồng ý với nội dung giải quyết nên ngày 17/4/2017 Ông Trương Văn T có đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án, căn cứ Điều 30, 31 và Điều 116 Luật tố tụng hành chính thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý giải quyết là đúng quy định pháp luật.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Các quyết định hành chính bị khiếu kiện chỉ được áp dụng một lần đối với ông Trương Văn T, không ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của bà Bùi Thị Thu T (vợ ông T) nên cấp sơ thẩm xác định bà T với tư cách người làm chứng là đúng quy định pháp luật.

[4] Thủ tục tố tụng cấp sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành thủ tục công khai chứng cứ theo quy định tại Điều 138, 139 Luật tố tụng hành chính nhưng tại các phiên đối thoại, đương sự đã yêu cầu sao chụp toàn bộ hồ sơ vụ án (bút lục 92). Như vậy ông T đã được tiếp cận toàn bộ chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đồng thời ở cấp phúc thẩm đã lập biên bản cho đương sự tiếp cận, công khai chứng cứ để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong quá trình tham gia tố tụng. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm thực hiện đúng thủ tục tố tụng.

[5] Về trình tự, thủ tục, thời hiệu, thời hạn, thẩm quyền ban hành và nội dung của các quyết định bị khiếu kiện: Ông T cho rằng không có hành vi gây rối trật tự tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 09/12/2016, tuy nhiên căn cứ lời khai của những người làm chứng Lê Bình T, Nguyễn Nhật H trực tiếp chứng kiến vụ việc thì giữa ông T với ông Th có xảy ra xô xát, la hét và chửi mắng lẫn nhau tại sảnh trước của Tòa án, gây mất trật tự tại trụ sở cơ quan là phù hợp với lời khai của ông T (tại bút lục 03 và 12) và nội dung biên bản vi phạm hành chính. Xét nội dung quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên cơ sở biên bản vi phạm hành chính là có căn cứ, phù hợp tính chất, mức độ vi phạm. Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình; Luật khiếu nại; Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 30/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại và Thông tư 08/2013/TT-BCA ngày 26/12/2013 của Bộ Công an hướng dẫn xử lý khiếu nại, kiến nghị, phản ánh; giải quyết khiếu nại và quản lý công tác giải quyết khiếu nại trong Công an nhân dân thì trình tự, thủ tục, thời hiệu, thời hạn, thẩm quyền ban hành và nội dung của các quyết định bị khiếu kiện đều có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Xét các quyết định hành chính được ban hành đúng quy định pháp luật, không

gây ra thiệt hại cho ông T, mặt khác căn cứ Điều 55, 56 Luật tổ tụng hành chính thì đương sự có nghĩa vụ tham gia tố tụng nên việc ông T yêu cầu Công an phường N và Công an thành phố T liên đới bồi thường 1.544.000đ chi phí đi lại của vợ chồng ông trong thời gian bỏ công việc đi khiếu kiện là không có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện cũng không cung cấp chứng cứ gì mới, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên bác kháng cáo của ông Trương Văn T.

[6] Do bị bác đơn kháng cáo nên Ông Trương Văn T phải chịu án phí hành chính và dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

[1] Bác kháng cáo của Ông Trương Văn T và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 6, Khoản 3 Điều 38, Điều 66, 67, 68 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điểm b Khoản 1 Điều 5 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình; Luật khiếu nại; Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 30/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại và Thông tư 08/2013/TT-BCA ngày 26/12/2013 của Bộ Công an hướng dẫn xử lý khiếu nại, kiến nghị, phản ánh; giải quyết khiếu nại và quản lý công tác giải quyết khiếu nại trong Công an nhân dân. Điều 55 và 56 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Trương Văn T về việc: Hủy quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 038352/QĐ-XPHC ngày 20/12/2016 của Trưởng Công an phường N, quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 số 07/QĐ-CAP ngày 17/01/2016 Trưởng Công an phường N và quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 171/QĐ-CATP ngày 24/3/2017 Trưởng Công an thành phố T; Yêu cầu Công an phường N và Công an thành phố T liên đới bồi thường 1.544.000đ chi phí đi lại của vợ chồng ông trong thời gian bỏ công việc đi khiếu kiện tại Tòa án.

Áp dụng Điều 349 Luật tổ tụng hành chính, Khoản 1 Điều 29, Khoản 1 và 6 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Ông Trương Văn T phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 9891 ngày 02/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa. Ông Trương Văn T còn phải nộp 300.000đ.

[4] Án phí sơ thẩm thực hiện theo quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND TP Tuy Hòa;
- VKSND TP Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP Tuy Hòa;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Phòng KTNV và THA;
- Những người tham gia tố tụng;
- Công an tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Ngọc Minh**